

Số: 3454 /CV-CTY  
V/v Giải trình chênh lệch trong  
Kết quả hoạt động kinh doanh

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2017

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

### **I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN**

1. Tên tổ chức (đầy đủ): **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẢN**
2. Mã chứng khoán: **VSN**
3. Địa chỉ trụ sở chính: 420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
4. Điện thoại: 08.35533999 Fax: 08.35533939

### **II. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ**

1. Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản xin giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 - Tổng hợp và Trụ sở chính thay đổi hơn 10% so với cùng kỳ năm trước như sau:

ĐVT: đồng

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>6 tháng đầu năm 2017</b>	<b>6 tháng đầu năm 2016</b>	<b>Chênh lệch</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Lợi nhuận sau thuế TNDN (tổng hợp)	72.832.867.905	63.485.516.484	9.347.351.421	14,7%
Lợi nhuận sau thuế TNDN (Trụ sở chính)	68.375.248.364	47.040.895.658	21.334.352.706	45,4%

Lợi nhuận sau thuế TNDN tổng hợp toàn công ty và Trụ sở chính công ty 6 tháng đầu năm 2017 lần lượt tăng 14,7% (tương đương 9.347 triệu đồng) và tăng 45,4% (tương đương 21.334 triệu đồng) chủ yếu do giá đầu vào một số nguyên vật liệu giảm so với cùng kỳ năm trước và công ty quản lý tốt hơn các định mức sản xuất kinh doanh, vì vậy lợi nhuận sau thuế tổng hợp toàn công ty và Trụ sở chính công ty tăng.

2. Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản xin giải trình số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2 (6 tháng đầu năm 2017) trong Báo cáo tài chính quý 2 và 6 tháng đầu năm 2017 đã công bố chênh lệch hơn 5% so với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét như sau:

**a. Tại Báo cáo tài chính tổng hợp**

ĐVT: đồng

Mã số	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2017 đã được soát xét	6 tháng đầu năm 2017 đã công bố	Chênh lệch	Tỷ lệ chênh lệch
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.889.540.125.835	1.889.081.088.469	459.037.366	0,02%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	14.497.378.368	14.497.378.368	-	0,0%
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.875.042.747.467	1.874.583.710.101	459.037.366	0,02%
11	Giá vốn hàng bán	1.389.879.117.159	1.381.627.236.023	8.251.881.136	0,6%
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	485.163.630.308	492.956.474.078	(7.792.843.770)	-1,6%
21	Doanh thu hoạt động tài chính	5.839.391.047	5.839.391.047	-	0,0%
22	Chi phí tài chính	9.288.063.316	9.288.063.316	-	0,0%
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	5.956.361.246	5.956.361.246	-	0,0%
25	Chi phí bán hàng	259.292.461.926	255.590.631.696	3.701.830.230	1,4%
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	132.977.598.037	144.741.372.276	(11.763.774.239)	-8,1%
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	89.444.898.076	89.175.797.837	269.100.239	0,3%
31	Thu nhập khác	2.181.662.860	2.640.700.226	(459.037.366)	-17,4%
32	Chi phí khác	394.794.559	584.731.686	(189.937.127)	-32,5%
40	Lợi nhuận khác	1.786.868.301	2.055.968.540	(269.100.239)	-13,1%
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	91.231.766.377	91.231.766.377	-	0,0%
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.782.855.548	18.127.980.346	654.875.202	3,6%
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(383.957.076)	270.918.126	(654.875.202)	-241,7%
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	72.832.867.905	72.832.867.905	-	0,0%
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	810	810	-	0,0%
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)				

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính (BCTC) sau soát xét chênh lệch so với BCTC đã công bố do công ty phân loại lại đúng bản chất chi phí Giá vốn hàng bán, Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Thu nhập khác và Chi phí khác tại BCTC sau soát xét chênh lệch so với BCTC đã công bố do công ty phân loại lại đúng bản chất Thu nhập khác và Doanh thu khác, Chi phí khác và Giá vốn hàng bán. Vì vậy lợi nhuận khác cũng chênh lệch tương ứng.

Chi phí Thuế TNDN hoãn lại tại BCTC sau soát xét chênh lệch so với BCTC đã công bố do công ty bổ sung tính thuế TNDN hiện hành và hoãn lại đối với khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm.

**b. Tại Báo cáo tài chính Trụ sở chính**

ĐVT: đồng

Mã số	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2017 đã được soát xét	6 tháng đầu năm 2017 đã công bố	Chênh lệch	Tỷ lệ chênh lệch
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.469.933.405.792	1.469.474.368.426	459.037.366	0,03%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	16.842.001.968	16.842.001.968	-	0,0%
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.453.091.403.824	1.452.632.366.458	459.037.366	0,03%
11	Giá vốn hàng bán	1.101.562.512.882	1.093.310.631.746	8.251.881.136	0,8%
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	351.528.890.942	359.321.734.712	(7.792.843.770)	-2,2%
21	Doanh thu hoạt động tài chính	6.971.724.164	5.556.048.937	1.415.675.227	<b>25,5%</b>
22	Chi phí tài chính	8.984.064.661	7.568.389.434	1.415.675.227	<b>18,7%</b>
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	5.956.361.246	4.540.686.019	1.415.675.227	<b>31,2%</b>
25	Chi phí bán hàng	172.795.615.298	169.093.785.068	3.701.830.230	2,2%
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	95.698.183.933	107.461.958.172	(11.763.774.239)	<b>-10,9%</b>
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	81.022.751.214	80.753.650.975	269.100.239	0,3%
31	Thu nhập khác	172.764.686	631.802.052	(459.037.366)	<b>-72,7%</b>
32	Chi phí khác	37.087.386	227.024.513	(189.937.127)	<b>-83,7%</b>
40	Lợi nhuận khác	135.677.300	404.777.539	(269.100.239)	<b>-66,5%</b>
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	81.158.428.514	81.158.428.514	-	0,0%
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.438.055.352	12.783.180.150	654.875.202	<b>5,1%</b>
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(654.875.202)	-	(654.875.202)	
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	68.375.248.364	68.375.248.364	-	0,0%

Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính tại BCTC sau soát xét chênh lệch so với BCTC đã công bố do điều chỉnh nghiệp vụ phát sinh giữa Trụ sở chính và các chi nhánh.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính (BCTC) sau soát xét chênh lệch so với BCTC đã công bố do công ty phân loại lại đúng bản chất chi phí Giá vốn hàng bán, Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Thu nhập khác và Chi phí khác tại BCTC sau soát xét chênh lệch so với BCTC đã công bố do công ty phân loại lại đúng bản chất Thu nhập khác và Doanh thu khác, Chi phí khác và Giá vốn hàng bán. Vì vậy lợi nhuận khác cũng chênh lệch tương ứng.

Chi phí Thuế TNDN hiện hành và Chi phí Thuế TNDN hoãn lại tại BCTC sau soát xét chênh lệch so với BCTC đã công bố do công ty bổ sung tính thuế TNDN hiện hành và hoãn lại đối với khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản xin gửi giải trình đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty như trên.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Trường BKS;
- Lưu: VT, Ban CBTT.



TỔNG GIÁM ĐỐC <sup>may</sup>

*Nguyễn Ngọc An*